TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/DS-ST
Ngày 24/7/2019
V/v tranh chấp về xác định quyền sở hữu và phân chia tài sản để thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/7/2019, tại trụ sở TAND huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2019/TLST – DS ngày 05/10/2017 về tranh chấp về xác định quyền sở hữu và phân chia tài sản để thi hành án, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST – DS ngày 12/7/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Châu Kim H, sinh năm: 1965

Bà Phạm Thị Bích L, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: ấp A, thị trấn V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B (Út Đ), sinh năm 1967

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: ấp A, thị trấn V1, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Người làm chứng: Bà Ngô Thị C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp E, thị trấn V1, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Bà H, bà L, bà B có mặt, ông T, bà C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Châu Kim H và bà Phạm Thị Bích L trình bày:

Theo bản án số 206/2015/DS-ST, ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Châu Kim H số tiền 281.800.000 đ. Theo bản án số 117/2014/DS-ST, ngày 19/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Bích L số tiền 163.200.000 đ.

Quá trình thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thông báo cho những người được thi hành án về việc yêu cầu phân chia quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị B trong khối tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Thanh T.

Bà Phạm Thị Bích L và bà Châu Kim H khởi kiện yêu cầu xác định quyền sở hữu và phân chia tài sản của bà Nguyễn Thị B trong khối tài sản là căn nhà và phần đất thuộc thửa 845, tờ bản đồ số 06, diện tích 80 m^2, tại ấp 1, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang và phần đất thuộc thửa 1004, tờ bản đồ số 04, diện tích 250 m^2, tại ấp 9, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/12/2017 bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà có nghĩa vụ thi hành án đối với bà Châu Kim H và bà Phạm Thị Bích L, tuy nhiên bà chưa thi hành được khoản nào. Về phần đất thuộc thửa 845, tờ bản đồ số 06, diện tích 80 m^2, loại đất ở đô thị, vị trí ấp 1, thị trấn Nàng Mau, Vị Thủy, Hậu Giang và căn nhà trên đất là tài sản của bà Ngô Thị C cho riêng ông T, căn nhà do bà C xây dựng vào khoảng năm 2012. Nay bà không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/12/2017 bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng nhưng ông không có nghĩa vụ phải thi hành án đối với ai. Nay bà H và bà L yêu cầu xác định phần đất thuộc thửa 845, tờ bản đồ số 06, diện tích 80 m^2, tại ấp 1, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, phần đất thuộc thửa 1004, tờ bản đồ số 04, diện tích 250 m^2, tại ấp 9, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang là tài sản chung ông không thống nhất vì phần đất và nhà tại ấp 1, thị trấn Nàng Mau là của bà C cho riêng ông, phần đất tại ấp 9, xã Vị Trung ông đã chuyển nhượng cho người khác.

Tại phiên tòa các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, bị đơn bà Nguyễn Thị B yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các bên đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với phần đất thuộc thửa 845, tờ bản đồ số 06, diện tích 80 m^2, tại ấp 1, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang và căn nhà trên đất.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với phần đất thuộc thửa 1004, tờ bản đồ số 04, diện tích 250 m^2, tại ấp 9, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý theo quy định tại khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định tranh chấp về xác định quyền sở hữu và phân chia tài sản để thi hành án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người làm chứng là bà Ngô Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý đo. Bà Ngô Thị C đã có lời khai trong hồ sơ, việc bà C vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Đối với phần đất thuộc thử 845, tờ bản đồ số 06, diện tích 80 m^2, tại ấp 1, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang là phần đất ông Nguyễn Thanh T được tặng cho từ bà Ngô Thị C và ông T được công nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009. Ông T căn cứ vào hợp đồng tặng cho và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có ông T đứng tên ông cho rằng đây là tài sản riêng của ông là không phù hợp. Bởi lẽ đây là tài sản ông được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân giữa ông với bà Nguyễn Thị B đang tồn tại. Mặt khác hợp đồng tặng cho cũng không thể hiện là tặng cho riêng ông Nguyễn Thanh T nên không thể xem đây là tài sản được tặng cho riêng. Ông T và bà B cho rằng đây là tài sản được tặng cho riêng nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên ông T và bà B phải chịu hậu quả do việc không chứng minh

được. Đối với căn nhà thì hiện không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở nhưng qua kết quả xác minh tại địa phương thể hiện từ khi được tặng cho ông T và bà B cùng sinh sống tại căn nhà và phần đất được cho đồng thời có sửa chữa nhà lại kiên cố cho đến nay. Do đây là tài sản được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung. Và theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông T và bà B cùng sinh sống ổn định trên nhà và đất từ khi được tặng cho cho đến nay. Bà B cũng có công sức đóng góp và bảo quản khối tài sản từ đó chứng tỏ đây là tài sản chung của ông T và bà B. Việc ông T và bà B thống nhất cho rằng là tài sản riêng của ông T là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án của bà B. Do đó, bà Châu Kim H và bà Phạm Thị bích L khởi kiện là có cở sở chấp nhận và xác định bà B có ½ quyền sở hữu đối với tài sản trên là phù hợp.

Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 845, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp 1, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, kết quả đo đạc thực tế theo mảnh trích đo đạc số 04-2018, văn bản số 175 ngày 25/10/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang phần đất có diện tích 80,0m^2.

Theo kết quả định giá của Công ty Cổ phần định giá Thống Nhất, tài sản tại ấp 1, thị trấn Nàng Mau gồm quyền sử dụng đất có giá 2.090.800.000 đ, công trình xây dựng (nhà ở, mái che trước) có giá 186.983.136 đ. Tổng giá trị là 2.277.783.136 đ.

Xét thấy đây là nơi sinh sống duy nhất của bà B và ông T, do đó để ổn định cuộc sống cho ông T nên giao nhà và đất cho ông T tiếp tục quản lý sử dụng và ông T có nghĩa vụ trả 1/2 giá trị cho bà B với số tiền là 1.138.891.568 đ là phù hợp.

[4]. Đối với yêu cầu xác định quyền sở hữu và phân chia tài sản là phần đất thuộc thửa 1004, tờ bản đồ số 04, diện tích 250 m^2, tại ấp 9, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Do các nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với phần đất này nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tổng số tiền là 14.669.737 đ bà Châu Kim H và bà Phạm Thị Bích L đã nộp xong. Ông Nguyễn Thanh T phải chịu số tiền là 7.334.868 đ, bà Nguyễn Thị B phải chịu số tiền là 7.334.868 đ. Phần ông T và bà B nộp sẽ trả lại cho bà H và bà L.

[6]. Về án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 6, 26, 35, 39, 91, 228, 229, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 213, 219 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 74, 75 Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng các Điều 28, 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Kim H và bà Phạm Thị Bích L.

Xác định phần quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị B là ½ trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Thanh T là phần đất có diện tích 80,0m^2, thuộc thửa đất số 845, tờ bản đồ số 06, loại đất ở đô thị, vị trí ấp 1, thị trấn Nàng Mau, Vị Thủy, Hậu Giang và căn nhà trên đất. Có sơ đồ kèm theo.

Giao cho ông Nguyễn Thanh T phần đất diện tích 80,0m^2, thuộc thửa đất số 845, tờ bản đồ số 06, loại đất ở đô thị, vị trí ấp 1, thị trấn Nàng Mau, Vị Thủy, Hậu Giang và căn nhà trên đất. Ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.138.891.568 đ (Một tỷ một trăm ba mươi tám triệu tám trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm sáu mươi tám đồng).

Đình chỉ đối với yêu khởi kiện của bà Châu Kim H và bà Phạm Thị Bích L đối với yêu cầu xác định quyền sở hữu và phân chia tài sản là phần đất thuộc thửa 1004, tờ bản đồ số 04, diện tích 250 m^2, tại ấp 9, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tổng số tiền là 14.669.737 đ (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi bảy đồng), bà Châu Kim H và Bà Phạm Thị Bích L đã nộp xong. Ông Nguyễn Thanh T phải chịu số tiền là 7.334.868 đ (Bảy triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng), bà Nguyễn Thị B phải chịu số tiền là 7.334.868 đ (Bảy triệu ba

trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng) . Phần ông T và bà B nộp sẽ trả lại cho bà H và bà L.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải nộp số tiền 46.166.747 đ (Bốn mươi sáu triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng), ông Nguyễn Thanh T phải nộp số tiền 46.166.747 đ (Bốn mươi sáu triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).

Bà Châu Kim H và bà Phạm Thị Bích L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013646 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hậu Giang;
- Viện kiểm sát huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thị Mỹ Trúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Em Trần Thị Bé Ngọc Quách Thị Mỹ Trúc

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Vị Thủy;
-Chi cục THADS huyện Vị Thủy,

-Lưu.

Quách Thị Mỹ Trúc